

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1529/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 27 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT (tại Tờ trình số 249/TTr-SNN ngày 14/10/2021).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này “Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Phú Yên”.

Điều 2: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ngoại vụ, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Lao động-Thương binh và Xã hội; Giám đốc Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Hữu Thế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

**Thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021
của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản
Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Phú Yên**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021
của UBND tỉnh Phú Yên).*

Nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ trọng tâm trong lĩnh vực thủy sản giai đoạn 2021-2025 để thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ của Chiến lược theo Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 phù hợp với Luật Thủy sản năm 2017 và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, đồng thời quản lý toàn diện, đồng bộ các hoạt động của ngành theo chuỗi liên kết từ sản xuất đến chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm tạo điều kiện để thủy sản tỉnh Phú Yên phát triển và hội nhập quốc tế; UBND tỉnh Phú Yên ban hành Kế hoạch hành động, với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát:

Triển khai nghiêm túc, có chất lượng nhằm nâng cao công tác quản lý, điều hành và thực hiện có hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, định hướng, giải pháp Chiến lược đề ra. Thu hút nguồn lực các thành phần kinh tế đầu tư phát triển thủy sản và tập trung đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ.

Xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách cần ưu tiên thực hiện đối với từng lĩnh vực trong ngành thủy sản tỉnh Phú Yên giai đoạn 2021-2030. Từ đó xây dựng các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược.

Tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược đồng bộ, kịp thời và thống nhất giữa các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Giai đoạn 2021-2025:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất thủy sản đạt 4,2%/năm.
- Diện tích nuôi trồng thủy sản (NTTS) nước lợ, mặn đạt 3.672 ha, trong đó: Diện tích nuôi ao, đầm 1.891 ha, diện tích mặt nước biển 1.650 ha, diện tích nuôi tôm hùm trên bờ 70 ha, diện tích sản xuất giống 61 ha.
- Tổng sản lượng thủy sản đạt 72.680 tấn/năm, trong đó: NTTS đạt 16.680 tấn/năm, khai thác thủy sản đạt 56.000 tấn/năm.

- Giá trị kim ngạch xuất khẩu đến năm 2025 đạt 90 triệu USD.

- Số lượng lao động trong ngành thủy sản đạt 45.000 người.

b) Giai đoạn 2026-2030:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất thủy sản đạt 3,7%/năm.
- Diện tích NTTS nước lợ, mặn đạt 3.662 ha, trong đó: Diện tích nuôi ao, địa 1.881 ha, diện tích mặt nước biển 1.650 ha, diện tích nuôi tôm hùm trên bờ 70 ha, diện tích sản xuất giống 61 ha.
- Tổng sản lượng thủy sản đạt 75.360 tấn/năm, trong đó: NTTS đạt 19.360 tấn/năm, khai thác thủy sản đạt 56.000 tấn/năm.
- Giá trị kim ngạch xuất khẩu đến năm 2030 đạt 110 triệu USD.
- Số lượng lao động trong ngành thủy sản đạt 43.000 người.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Về nuôi trồng thủy sản:

Điều chỉnh cơ cấu diện tích NTTS: Giảm dần đến ổn định diện tích nuôi đầm, vịnh, vùng biển ven bờ chiếm khoảng 15-20% diện tích mặt nước có khả năng NTTS; phát triển tương ứng NTTS để thay thế sinh kế tại vùng biển hở và một số vùng trên bờ; tăng giá trị sản xuất qua việc tăng phần diện tích nuôi tập trung, công nghiệp đảm bảo điều kiện an toàn thực phẩm và thực hành NTTS tốt-GAP, ứng dụng khoa học công nghệ để tăng năng suất; giảm tổn thất sau thu hoạch; phát triển về NTTS trên biển: Cá biển, rong, tảo biển...).

Phát triển các đối tượng nuôi có giá trị kinh tế cao, để mở rộng thị trường tiêu thụ như: Tôm thẻ chân trắng, tôm sú, tôm hùm, cá biển và thủy đặc sản nước ngọt; nâng cao năng lực các cơ sở sản xuất giống, bảo đảm cung cấp trên 90% nhu cầu giống chủ lực sạch bệnh của tỉnh; đẩy mạnh áp dụng quy trình nuôi có chứng nhận; tăng diện tích nuôi công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao và nuôi biển hở; tăng cường kiểm dịch và phòng chống dịch bệnh, quan trắc và cảnh báo môi trường, nâng diện tích thả giống qua kiểm dịch đến 2025 đạt 100%.

2. Khai thác thủy sản:

- Giảm tàu cá có công suất nhỏ, trang bị thô sơ, khai thác ven bờ và trang bị hiện đại các tàu cá có hạn ngạch khai thác vùng khơi, ưu tiên phát triển một số nghề khai thác các đối tượng có giá trị kinh tế cao như: Cá ngừ, cá thu, cá cờ và mực; giảm số tàu cá còn 4.110 chiếc ($L_{max} > 15m$: 750 chiếc) và tỉ lệ tổn thất sau thu hoạch còn dưới 10% năm 2022; còn 4.100 chiếc ($L_{max} > 15m$: 1.430 chiếc) và dưới 7% năm 2025; còn 4.000 chiếc ($L_{max} > 15m$: 1.800 chiếc) và dưới 5% năm 2030.

- Khai thác thủy sản gắn liền với bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, an ninh và chủ quyền vùng biển quốc gia.

3. Cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá:

- Phát triển cơ sở chế biến, xuất khẩu gắn với đánh bắt và NTTS an toàn; tăng tỷ trọng chế biến sâu và đa dạng hóa các sản phẩm chế biến và thị trường tiêu thụ; mở rộng áp dụng quy trình, hệ thống quản lý theo ISO, HACCP, GMP, SSOP; phát triển chuỗi giá trị nuôi trồng, khai thác thủy sản; đưa sản lượng chế biến thủy sản năm 2021 đạt trên 50 ngàn tấn, năm 2025 đạt 55 ngàn tấn và năm 2030 đạt 60 ngàn tấn.

- Phát triển dịch vụ và cơ sở hạ tầng dịch vụ hậu cần thủy sản đồng bộ, kết hợp với khu neo đậu tránh trú bão an toàn cho tàu thuyền; áp dụng các tiến bộ về công nghệ tin học, thông tin quản lý nghề cá và kiểm ngư.

- Phát triển mô hình đồng quản lý nguồn lợi thủy sản, hợp tác xã và mô hình tổ, đội ngư dân đoàn kết sản xuất trên biển gắn với chủ tàu cá tham gia.

III. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện tổ chức bộ máy, thể chế:

a) Hoàn thiện tổ chức bộ máy:

- Kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý nhà nước chuyên ngành thủy sản theo hướng tinh gọn, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả; đảm bảo thực thi pháp luật trong lĩnh vực thủy sản.

- Hoàn thiện hệ thống tổ chức Kiểm ngư của tỉnh theo chỉ đạo của Trung ương và tình hình thực tế của địa phương.

b) Hoàn thiện cơ chế, chính sách địa phương:

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định đặc thù địa phương trong lĩnh vực thủy sản phù hợp với Luật Thủy sản và các quy định pháp lý có liên quan và đảm bảo tính khả thi trong thực tế áp dụng tại địa phương (một số chính sách trong lĩnh vực thủy sản; các chính sách về đất, đất có mặt nước, khu vực biển, tài chính, tín dụng và thương mại...).

- Phổ biến văn bản quy phạm pháp luật lĩnh vực thủy sản thông qua truyền thông, tài liệu; tổ chức các hội nghị, các lớp tập huấn cho đối tượng liên quan tại các địa phương, các tổ chức cộng đồng ngư dân trên địa bàn tỉnh.

2. Xây dựng đề án, kế hoạch ưu tiên thực hiện Chiến lược:

(1) Đề án tổng thể phát triển NTTS trên địa bàn tỉnh Phú Yên 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

(2) Đề án phát triển chế biến và thương mại thủy sản trên địa bàn tỉnh Phú Yên 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

(3) Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

(4) Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia phát triển khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững.

(5) Kế hoạch đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng nghề cá.

(6) Kế hoạch khuyến ngư 5 năm và hàng năm.

(7) Kế hoạch phòng chống dịch bệnh thủy sản 5 năm và hàng năm.

(8) Kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường phục vụ NTTS 5 năm và hàng năm.

(9) Kế hoạch phát triển đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

(10) Kế hoạch chuyển đổi số trong ngành thủy sản.

(11) Đề án điều tra, đánh giá việc bảo vệ môi trường trong hoạt động NTTS; nguồn ô nhiễm, chất thải từ hoạt động NTTS.

(danh mục các đề án, kế hoạch ưu tiên thực hiện Chiến lược theo Phụ lục kèm theo).

3. Phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ:

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về khoa học công nghệ để phục vụ phát triển thủy sản.

- Xây dựng, hoàn thiện các định mức kinh tế kỹ thuật địa phương phục vụ sản xuất, chế biến, quản lý chất lượng hàng hóa, vật tư chuyên ngành thủy sản.

4. Tổ chức sản xuất thủy sản:**a) Lĩnh vực bảo vệ, phát triển nguồn lợi thủy sản:**

- Tổ chức điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống các loài thủy sản, nguồn lợi hải sản vùng biên ven bờ, vùng lộng làm cơ sở bảo vệ, tái tạo và khai thác bền vững nguồn lợi thủy sản, bổ sung danh mục khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu nguồn lợi thủy sản theo hướng chuyển đổi số, làm cơ sở phục vụ công tác dự báo ngư trường, nguồn lợi.

- Thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Nghiên cứu trồng, cấy san hô, cỏ biển nhằm phục hồi các hệ sinh thái rạn san hô, cỏ biển.

- Thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản.

b) Lĩnh vực nuôi trồng thủy sản:

- Phát triển sản xuất giống thủy sản chất lượng cao, ưu tiên phát triển các đối tượng nuôi chủ lực, có giá trị kinh tế, các loài mới có tiềm năng; khuyến khích phát triển NTTS quy mô công nghiệp ở vùng biển hở.

- Phát triển các hình thức liên kết theo chuỗi từ sản xuất giống/thức ăn, nuôi trồng, chế biến, thương mại thủy sản đảm bảo thân thiện môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu.

- Phát triển các mô hình NTTS bảo vệ môi trường, an toàn dịch bệnh, đảm bảo an toàn thực phẩm; ưu tiên các mô hình ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, vật liệu mới...; khuyến khích áp dụng thực hành NTTS tốt (GAP).

- Thực hiện quan trắc, cảnh báo môi trường trong NTTS.

- Tổ chức điều tra, đánh giá việc bảo vệ môi trường trong hoạt động NTTS; nguồn ô nhiễm, chất thải từ hoạt động NTTS.

- Triển khai phòng chống dịch bệnh thủy sản.

c) Lĩnh vực khai thác thủy sản:

- Trên cơ sở trữ lượng nguồn lợi hải sản, sản lượng khai thác hàng năm, số lượng tàu khai thác (theo từng nghề) để xác định các chỉ tiêu cần đạt được trong kế hoạch đảm bảo phù hợp định hướng của Chiến lược (giảm sản lượng, giảm số tàu thuyền khai thác để phục hồi và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; giảm tổn thất sau thu hoạch...).

- Tổ chức khai thác thủy sản theo mô hình tổ, đội, hợp tác xã; tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị.

- Tổ chức khai thác thủy sản theo hình thức đồng quản lý kết hợp bảo vệ phát triển nguồn lợi thủy sản.

- Hiện đại hóa công tác quản lý nghề cá.

d) Lĩnh vực chế biến và tiêu thụ sản phẩm thủy sản:

- Nghiên cứu ban hành chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản thủy sản; đổi mới công nghệ, phát triển các sản phẩm mới, sản phẩm giá trị gia tăng cao có nguồn gốc từ nguyên liệu, phụ phẩm thủy sản phục vụ các ngành thực phẩm và phi thực phẩm.

- Điều tra, đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp thúc đẩy chế biến, tiêu thụ sản phẩm thủy sản nội địa.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**1. Tăng cường đầu tư chuyên ngành thủy sản hiệu quả:**

- Ưu tiên nguồn vốn đầu tư từ Ngân sách nhà nước thực hiện các dự án phát triển ngành thủy sản. Tăng cường thu hút các nguồn lực ngoài ngân sách thực hiện đầu tư phát triển thủy sản. Triển khai xúc tiến đầu tư, tạo nguồn lực đầu tư phát triển ngành thủy sản.

- Lựa chọn dự án đầu tư phù hợp quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, từng giai đoạn, thuộc các đề án, kế hoạch phát triển ngành thủy sản. Tăng cường công tác quản lý đầu tư chuyên ngành thủy sản hiệu quả.

- Bố trí vốn tập trung, ưu tiên các dự án trọng điểm, có tính động lực; quản lý, sử dụng vốn đầu tư theo kế hoạch trung hạn, hàng năm đảm bảo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và thực hiện dự án phải tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022.

- Quan tâm, bố trí nguồn lực cho công tác quản lý sau đầu tư; duy tu, bảo trì công trình đảm bảo yêu cầu sử dụng.

2. Tổ chức sản xuất thủy sản:

- Tổ chức liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị từ sản xuất nguyên liệu đến chế biến tiêu thụ ở tất cả các lĩnh vực và đối tượng sản phẩm, tạo sự gắn kết, chia sẻ lợi nhuận, rủi ro giữa các doanh nghiệp, người sản xuất, dịch vụ vật tư đầu vào và các doanh nghiệp chế biến thủy sản nhằm tăng năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm thủy sản. Đa dạng hóa sản phẩm, gia tăng giá trị sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.

- Phát triển các mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã, đồng quản lý, liên doanh, liên kết giữa doanh nghiệp chế biến tiêu thụ với doanh nghiệp và người khai thác, NTTS. Xây dựng các vùng nuôi công nghiệp, công nghệ cao sản xuất thủy sản hàng hóa lớn.

- Đẩy nhanh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, áp dụng rộng rãi sản xuất an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, cấp mã số vùng nuôi, gắn với việc truy xuất nguồn gốc, điều kiện an toàn thực phẩm và thực hành NTTS sản tốt (GAP). Tăng cường năng lực phòng ngừa và cảnh báo sớm ô nhiễm môi trường trong NTTS.

- Tổ chức xây dựng các vùng, cơ sở, chuỗi sản xuất thủy sản an toàn dịch bệnh.

- Xây dựng, áp dụng các cơ chế, chính sách về khuyến nông thủy sản; thông tin tuyên truyền nhằm thay đổi nhận thức của người nuôi, người tiêu dùng trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thủy sản.

- Tổ chức xây dựng, phổ biến, nhân rộng các mô hình NTTS an toàn sinh học; mô hình các chuỗi, vùng NTTS an toàn dịch bệnh để phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Liên kết với các ngành kinh tế khác đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các ngành kinh tế trong việc sử dụng tài nguyên, nguồn lực.

- Giảm số lượng tàu cá và sản lượng khai thác thủy sản vùng ven bờ và vùng lộng để phục hồi nguồn lợi thủy sản. Thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã khai thác thủy sản. Tổ chức thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản; liên doanh, liên kết giữa doanh nghiệp chế biến tiêu thụ với doanh nghiệp và ngư dân. Tổ chức tốt thông tin liên lạc, cảnh báo thiên tai kịp thời cho ngư dân trên biển, bảo đảm an toàn đi biển, tổ chức ứng cứu kịp thời khi có rủi ro. Giao quyền quản lý, sử dụng vùng nước ven biển cho các tổ chức cộng đồng ngư dân thực hiện đồng quản lý, bảo vệ phát triển nguồn lợi thủy sản. Giảm tổn thất sau thu hoạch từ khai thác thủy sản.

- Tổ chức bảo tồn, khai thác nguồn lợi thủy sản và phát triển NTTS gắn kết chặt chẽ, hài hòa lợi ích với phát triển các ngành kinh tế khác như: Du lịch, năng lượng, giao thông và phát triển đô thị, công nghiệp,... theo quy hoạch tỉnh và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

- Điều tra, đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp thúc đẩy chế biến, tiêu thụ sản phẩm thủy sản nội địa. Đẩy mạnh quản lý chất lượng sản phẩm thủy sản. Phát triển các sản phẩm mới, sản phẩm giá trị cao. Đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường đáp ứng các tiêu chuẩn, quy định trong nước và quốc tế.

- Đồi mới công nghệ, phát triển các sản phẩm mới, sản phẩm giá trị gia tăng cao có nguồn gốc từ nguyên liệu, phụ phẩm thủy sản phục vụ các ngành thực phẩm và phi thực phẩm. Nâng cao tỷ trọng sản phẩm chế biến có chất lượng, sức cạnh tranh cao phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; chuyển dịch hợp lý cơ cấu sản phẩm theo hướng nâng cao tỷ trọng các sản phẩm chế biến sâu; xây dựng được một số thương hiệu cho nhóm sản phẩm thủy sản tỉnh Phú Yên như: Tôm hùm, cá ngừ...

3. Nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ:

- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, công nghệ thông tin, công nghệ số trong bảo quản nguồn gen, nhân giống thủy sản quý hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng; điều tra, đánh giá, bảo vệ nguồn lợi thủy sản; dự báo ngư trường, giám sát hoạt động tàu cá bảo quản sản phẩm sau thu hoạch; phát triển công nghệ trong sản xuất giống thủy sản; NTTS năng suất cao, tiết kiệm nước, năng lượng, bảo vệ môi trường; công tác kiểm soát, khống chế dịch bệnh, chẩn đoán, phòng trị bệnh.

- Đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ; xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu và chuyển giao công nghệ vào sản xuất.

4. Tăng cường năng lực trong công tác quản lý, đào tạo nguồn nhân lực:

a) Tăng cường năng lực trong công tác quản lý:

- Thực hiện công khai, minh bạch, hiệu quả các đề án, kế hoạch phát triển ngành thủy sản đã được phê duyệt. Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, điều chỉnh, bổ sung

đảm bảo phù hợp với yêu cầu quản lý và thực tế trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Tăng cường các biện pháp quản lý nhà nước trong công tác thanh tra, kiểm tra, tuần tra, kiểm soát hoạt động thủy sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản gắn với bảo vệ ngư dân và quốc phòng an ninh trên biển đảo.

- Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trong ngành thủy sản; nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành thủy sản.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống các định mức kinh tế kỹ thuật địa phương, quy trình quản lý trong lĩnh vực thủy sản.

b) Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực:

Đào tạo, bồi dưỡng, đào tạo lại, phát triển nguồn nhân lực có chuyên môn sâu, kỹ năng cao trong các lĩnh vực về sản xuất thủy sản, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, có khả năng ứng dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành. Đào tạo các nghề trình độ sơ cấp cho lao động trong lĩnh vực nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản.

5. Phát triển thị trường, xúc tiến thương mại và hội nhập quốc tế:

a) Phát triển thị trường và xúc tiến thương mại:

- Phát triển, mở rộng thị trường nội địa; tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tại các nước; phát triển mở rộng các thị trường trọng điểm và tiềm năng; nâng cao năng lực trao đổi, tiếp cận thông tin thị trường, thương mại thủy sản cho doanh nghiệp, cán bộ quản lý và các bên có liên quan.

- Thực hiện việc truy xuất nguồn gốc và xây dựng thương hiệu các sản phẩm thủy sản có lợi thế cạnh tranh cao.

b) Hội nhập quốc tế:

Tăng cường hội nhập, hợp tác quốc tế trong công tác tổ chức quản lý nghề cá, thăm dò khai thác nguồn lợi thủy sản vùng biển ven bờ, vùng lộng; đào tạo, chuyển giao, ứng dụng công nghệ khoa học tiên tiến, công nghệ số; kêu gọi đầu tư trực tiếp từ nước ngoài; ứng phó với biến đổi khí hậu, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, đảm bảo an toàn cho ngư dân khai thác trên biển.

IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Vốn ngân sách và các nguồn vốn khác. Ưu tiên nguồn vốn đầu tư từ Ngân sách nhà nước trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của tỉnh (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) thực hiện các dự án phát triển ngành thủy sản; lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và PTNT:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan triển khai kế hoạch, chính sách và dự án phát triển thủy sản trên địa bàn.

- Tổ chức tuyên truyền về triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược thủy sản đến những cán bộ, ngư dân và những đối tượng có liên quan để nắm bắt được định hướng chung của ngành Thủy sản.

- Triển khai các đề án, kế hoạch phát triển lĩnh vực khai thác, nuôi trồng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Tiếp tục tổ chức lại công tác sản xuất nuôi trồng; khai thác; dịch

vụ hậu cần nghề cá, bảo vệ nguồn lợi thủy sản; đẩy mạnh quản lý chất lượng sản phẩm thủy sản để tạo sự ổn định, nâng cao giá trị sản phẩm và tăng thu nhập cho người lao động.

- Định kỳ hằng năm tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện và kết quả triển khai Kế hoạch trên địa bàn tỉnh và báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT (Tổng cục Thủy sản) để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Sở Công Thương:

- Xây dựng và triển khai Đề án phát triển chế biến và thương mại thủy sản trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2021-2025, định hướng đến năm 2030; tổ chức sản xuất lĩnh vực chế biến, xuất khẩu thủy sản, đẩy mạnh quản lý chất lượng sản phẩm thủy sản, phát triển các sản phẩm mới, sản phẩm giá trị cao, có thương hiệu. Đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường đáp ứng các tiêu chuẩn, quy định trong nước và quốc tế.

- Hỗ trợ phát triển, mở rộng thị trường nội địa; tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tại các nước, khu vực đã và đang ký kết các Hiệp định thương mại tự do; phát triển mở rộng các thị trường trọng điểm và tiềm năng; nâng cao năng lực trao đổi, tiếp cận thông tin thị trường, thương mại thủy sản cho doanh nghiệp, cán bộ quản lý và các bên có liên quan.

- Chủ trì xây dựng thương hiệu các sản phẩm thủy sản có lợi thế cạnh tranh cao được truy xuất nguồn gốc.

- Rà soát, tổ chức lại hệ thống chế biến và kết nối tiêu thụ các sản phẩm thủy sản.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tập trung, huy động, phân bổ nguồn lực thực hiện xây dựng các đề án, kế hoạch, dự án đầu tư phát triển ngành thủy sản. Tham mưu bố trí nguồn vốn lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác thực hiện các mục tiêu Kế hoạch hành động.

- Nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh ban hành cơ chế chính sách huy động nguồn lực của địa phương và vốn ngoài ngân sách phù hợp điều kiện của địa phương để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của Kế hoạch hành động; thực hiện lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác có cùng nội dung, nhiệm vụ với Kế hoạch hành động.

4. Sở Tài chính:

Trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT và căn cứ khả năng ngân sách của tỉnh, tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí thường xuyên cho đơn vị để thực hiện Kế hoạch theo quy định.

5. Sở Nội vụ:

Phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT, các địa phương tham mưu UBND tỉnh củng cố tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực cán bộ quản lý Nhà nước chuyên ngành thủy sản của tỉnh.

6. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT rà soát, đánh giá nhu cầu, xây dựng kế hoạch đào tạo, đào tạo lại nghề cho lực lượng lao động thủy sản đáp ứng yêu cầu năng lực, kỹ năng làm việc trong điều kiện, tình hình sản xuất mới.

7. Sở Ngoại vụ:

- Tham mưu UBND tỉnh đàm phán, hợp tác với các nước, các tổ chức tài chính quốc tế để phát triển mở rộng các thị trường trọng điểm và tiềm năng; nâng cao năng lực trao đổi, tiếp cận thông tin thị trường, thương mại thủy sản cho doanh nghiệp, cán bộ quản lý và các bên có liên quan; thu hút thêm vốn ngoài nước để thực hiện Kế hoạch hành động.

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất mở rộng cho khối doanh nghiệp và tư nhân tham gia sử dụng nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, kết hợp với vay thương mại thông thường để bổ sung nguồn vốn ngoài ngân sách thực hiện Kế hoạch hành động.

8. Sở Khoa học và Công nghệ:

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ về khoa học công nghệ để phục vụ phát triển thủy sản.

9. Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh:

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở ngành, địa phương liên quan triển khai các dự án đầu tư phục vụ phát triển thủy sản theo các đề án, kế hoạch được phê duyệt.

10. Các cơ quan, đơn vị có liên quan:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động, tích cực tham gia với các đơn vị được giao chủ trì nhiệm vụ để triển khai thực hiện Kế hoạch hành động này, bảo đảm tiến độ, chất lượng hiệu quả.

11. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

Căn cứ quy định của Luật Thủy sản 2017, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, Chiến lược phát triển thủy sản, các văn bản của HĐND, UBND tỉnh và nội dung Kế hoạch hành động này để tổ chức thực hiện, tập trung một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Rà soát, củng cố bộ máy, nâng cao năng lực cán bộ quản lý nhà nước chuyên ngành thủy sản tại địa phương.

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược tại địa phương. Ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư do huyện, thị xã, thành phố quản lý, chủ động huy động các nguồn lực hợp pháp thực hiện các kế hoạch, đề án, dự án... nhằm thực hiện hoàn thành các mục tiêu Kế hoạch hành động đề ra.

- Huy động nguồn lực của địa phương và vốn ngoài ngân sách phù hợp điều kiện của địa phương để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của Kế hoạch hành động.

- Tiếp tục tổ chức lại công tác sản xuất nuôi trồng, khai thác, dịch vụ hậu cần nghề cá để tạo sự ổn định, nâng cao giá trị sản phẩm và tăng thu nhập cho lao động địa phương.

- Tổ chức tuyên truyền về triển khai thực hiện Kế hoạch hành động đến những cán bộ, ngư dân và những đối tượng có liên quan để nắm bắt được định hướng chung

về ngành Thủy sản của tỉnh.

- Chỉ đạo thực hiện, tổ chức theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch hành động trên địa bàn; thực hiện chế độ báo cáo, đánh giá Kế hoạch hành động theo quy định và theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

10. Các Hội, Hiệp hội ngành thủy sản trên địa bàn tỉnh

- Tổ chức tuyên truyền, công khai thông tin của Chiến lược, Kế hoạch hành động của UBND tỉnh đến các hội viên nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Thông tin, vận động các doanh nghiệp hội viên kết hợp đầu tư phát triển ngành thủy sản gắn với các mục tiêu của Kế hoạch hành động để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, góp phần hỗ trợ hoàn thành mục tiêu của Kế hoạch hành động.

Việc thực hiện Kế hoạch hành động này dựa trên cơ sở phát huy nội lực của các thành phần kinh tế, trong đó nguồn lực của các doanh nghiệp, người dân là chính. Cần tiến hành lồng ghép với các chương trình, dự án và đẩy mạnh việc xã hội hóa các hoạt động đầu tư phát triển sản xuất, quản lý ngành thủy sản.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị báo cáo về UBND tỉnh để được chỉ đạo, tháo gỡ kịp thời./.

Phụ lục
NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỦY SẢN VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1529/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Phú Yên)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
I HOÀN THIỆN TỔ CHỨC BỘ MÁY, THỂ CHẾ				
1	Hoàn thiện tổ chức bộ máy			
1.1	Kiến toàn tổ chức bộ máy của hệ thống quản lý nhà nước về thủy sản tỉnh Phú Yên	Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nội vụ	2022-2025
1.2	Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động thủy sản	Sở Lao động- Thương binh- Xã hội	Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022- 2025
2	Hoàn thiện thể chế			
2.1	Tham mưu ban hành mới; rà soát, điều chỉnh, sửa đổi các quy định đặc thù tỉnh Phú Yên trong lĩnh vực thủy sản phù hợp với Luật Thủy sản và các quy định pháp luật có liên quan.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2022-2025
2.2	Tham mưu xây dựng, thực hiện các chính sách khuyến khích ứng dụng công nghệ mới, vật liệu mới an toàn, bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản (nuôi công nghệ cao, nuôi biển công nghiệp).	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2022-2025
2.3	Tham mưu xây dựng, thực hiện các chính sách khuyến khích đầu tư, phát triển công nghệ chế biến thủy sản	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2022-2025
II XÂY DỰNG ĐỀ ÁN, KẾ HOẠCH ƯU TIÊN THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC				
1	Đề án tổng thể phát triển nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh năm 2021-2025, định hướng đến năm 2030.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan, đơn vị liên quan	(GD 1: 2021-2022) và (GD 2: 2023-2025)
2	Đề án phát triển chế biến và thương	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và	2022-2025

	mại thủy sản trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2021-2025, định hướng đến năm 2030.		PTNT, các cơ quan, đơn vị địa phương liên quan	
3	Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2022-2023
4	Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia phát triển khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2022-2025
5	Kế hoạch đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng nghề cá	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
6	Kế hoạch khuyến ngư	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan, đơn vị liên quan	
7	Kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường phục vụ nuôi trồng thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan, đơn vị liên quan	
8	Kế hoạch phòng chống dịch bệnh thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2021-2030
9	Kế hoạch phát triển đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2021-2025
10	Kế hoạch chuyển đổi số trong ngành thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2022-2030
11	Đề án điều tra, đánh giá việc bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi trồng thủy sản; nguồn ô nhiễm, chất thải từ hoạt động nuôi trồng thủy sản	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2022 -2025
III TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ				
1	Các dự án thuộc tỉnh quản lý	BQL các dự án ĐTXD tỉnh; các cơ quan chuyên ngành	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2021-2030
2	Các dự án thuộc cấp huyện, thị xã, thành phố quản lý	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2021-2030
IV PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ				
1	Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về khoa học công nghệ để phục vụ phát triển thủy sản	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
2	Xây dựng, hoàn thiện các định mức kinh tế kỹ thuật địa phương phục vụ sản xuất, chế biến, quản lý chất lượng hàng hóa, vật tư chuyên ngành thủy sản.	Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở ngành liên quan	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021- 2025
V TỔ CHỨC SẢN XUẤT				
1	Tổ chức sản xuất các lĩnh vực khai thác, bảo vệ nguồn lợi, nuôi trồng thủy sản theo các đề án, kế hoạch, dự án được phê duyệt	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm

2	Tổ chức sản xuất các lĩnh vực chế biến và thương mại thủy sản theo đề án, kế hoạch, dự án được phê duyệt	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
VI GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH				
1	Theo dõi, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch hành động	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
2	Sơ kết đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch hành động	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý IV/2025 và Quý IV/2030